

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13 - GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2026/DS-ST
Ngày 26 - 01 - 2026
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ánh Đông.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan.

2. Ông Lữ Văn Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - Gia Lai.

Ngày 26 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - Gia Lai (cơ sở 2) mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 42/2025/TLST-DS ngày 09/9/2025 “Về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2025/QĐXXST-DS ngày 18/12/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2026/QĐST-DS ngày 09/01/2026, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị H, sinh năm 1993; số CCCD: 030193021397, cấp ngày 10/02/2023; địa chỉ: Số B L, Tổ D, phường T, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

* *Bị đơn:* 1. Bà Hà Thị Trúc L, sinh năm 1984; số Căn cước: 064184007383, cấp ngày 22/7/2024; địa chỉ: Số D N, Tổ D, phường A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2. Bà Trần Thị Q, sinh năm 1971; số CCCD: 036171009331, cấp ngày 23/4/2021; địa chỉ: Thôn I, xã Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày: Ngày 26/9/2024, bà Hà Thị Trúc L và bà Trần Thị Q mượn của chị H số tiền 150.000.000đ theo giấy mượn tiền ngày 26/9/2024. Bà L tiếp tục mượn riêng chị H số tiền 130.000.000đ, theo giấy mượn tiền ngày 28/9/2024. Theo giấy nợ 150.000.000đ mà bà L và bà Q cùng ký mượn, thì chị H chuyển số tiền 85.700.000đ vào tài khoản bà Q nên phần này chị H yêu cầu bà Q phải trả, còn lại 64.300.000đ thì chị H yêu cầu bà L phải

trả. Vì vậy, chị H yêu cầu bà L phải trả số tiền theo 02 giấy nợ là 194.300.000đ, bà L đã trả được 22.000.000đ, nên chị H yêu cầu bà L còn phải trả số tiền 172.300.000đ. Chị H yêu cầu bà Q phải trả số tiền 85.700.000đ. Đồng thời, chị H yêu cầu bà L phải trả số tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng x 14 tháng và bà Q phải trả số tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng x 15 tháng.

* Bị đơn bà Hà Thị Trúc L tại bản tự khai ngày 30/11/2025 trình bày: Bà L thừa nhận cùng với bà Q có mượn tiền của chị H theo hai giấy mượn tiền ngày 26/9/2024 và ngày 28/9/2024. Tổng số tiền là 280.000.000đ và đã trả được 15.000.000đ, còn lại bà L xin trả dần.

* Bị đơn bà Trần Thị Q trình bày: Bà Q và bà L có ký giấy mượn tiền chị H số tiền 150.000.000đ, theo giấy mượn tiền này bà Q được chị H chuyển tiền vào tài khoản số tiền 85.700.000đ. Bà Q đồng ý trả lại cho chị H số tiền 85.700.000đ và khoản tiền lãi như chị H yêu cầu. Còn giấy mượn tiền khác bà L tự mượn, bà L phải có trách nhiệm trả nợ cho chị H. Bà Q không có tiền trả ngay cho chị H, bà Q hẹn trong thời gian 06 tháng sẽ trả hết cho chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm Thị H khởi kiện đối với bà Hà Thị Trúc L, sinh năm 1984; địa chỉ: Số D N, Tổ D, phường A, tỉnh Gia Lai và bà Trần Thị Q, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn I, xã Đ, tỉnh Gia Lai, yêu cầu bà L và bà Q phải trả số tiền đã vay. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Gia Lai. Bà L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà L.

[2] Về nội dung: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H, cùng với việc cung cấp chứng cứ gốc là “Giấy mượn tiền” ngày 26/9/2024 và ngày 28/9/2024, bà L thừa nhận có vay chị H số tiền 280.000.000đ theo hai giấy mượn tiền, bà Q thừa nhận có ký giấy mượn tiền chị H số tiền 150.000.000đ, theo giấy mượn tiền ngày 26/9/2024. Bà Q được chị H chuyển tiền vào tài khoản với số tiền là 85.700.000đ, nên bà Q đồng ý trả lại cho chị H số tiền 85.700.000đ. Bà L chấp nhận trả cho chị H số tiền còn lại đã mượn, sau khi trừ đi số tiền đã trả là 22.000.000đ. Bà L và bà Q đều xin trả dần, nhưng chị H không đồng ý, chị H yêu cầu trả ngay một lần số tiền còn nợ. Do đó, ý kiến của bà L và bà Q là không có căn cứ để chấp nhận. Về tiền lãi: Chị H yêu cầu bà L phải trả số tiền lãi kể từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến thời điểm xét xử, cụ thể như sau: 172.300.000đ

$\times 0,83\%/tháng \times 14 \text{ tháng} = 20.021.260đ$. Chị H yêu cầu bà Q phải trả số tiền lãi kể từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến thời điểm xét xử, cụ thể như sau: $85.700.000đ \times 0,83\%/tháng \times 15 \text{ tháng} = 10.669.650đ$. Xét thấy, khoản tiền lãi mà chị H yêu cầu là phù hợp theo quy định tại Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận.

[3] Theo giấy vay tiền các bên có thỏa thuận thời hạn trả nợ là 30 ngày và không ghi lãi suất cụ thể, nên đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi. Bà L và bà Q chưa trả hết số tiền đã vay nên chị H khởi kiện là có căn cứ. Tại phiên tòa, chị H yêu cầu bà L phải trả số tiền gốc còn nợ là 172.300.000đ và số tiền lãi là 20.021.000đ, tổng cộng là 192.321.000đ. Chị H yêu cầu bà Q phải trả số tiền gốc là 85.700.000đ và số tiền lãi là 10.669.000đ, tổng cộng là 96.369.000đ; là đúng theo quy định tại các Điều 357, 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà L phải trả số tiền gốc còn nợ là 172.300.000đ và số tiền lãi là 20.021.000đ, tổng cộng là 192.321.000đ; buộc bà Q phải trả số tiền gốc là 85.700.000đ và số tiền lãi là 10.669.000đ, tổng cộng là 96.369.000đ. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H cho bà L và bà Q trả số tiền trên trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày 26/01/2026.

[4] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, thì bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Như vậy, bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: $192.321.000đ \times 5\% = 9.616.050đ$; bà Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: $96.369.000đ \times 5\% = 4.818.450đ$. Chị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 235, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị H.

- Buộc bà Hà Thị Trúc L phải trả cho chị Phạm Thị H số tiền gốc còn nợ là 172.300.000đ và số tiền lãi là 20.021.000đ, tổng cộng là 192.321.000đ (*Một trăm chín mươi hai triệu ba trăm hai mươi mốt nghìn đồng*). Ghi nhận sự tự nguyện của chị H cho bà L trả số tiền trên trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày 26/01/2026.

- Buộc bà Trần Thị Q phải trả cho chị Phạm Thị H số tiền gốc còn nợ là 85.700.000đ và số tiền lãi là 10.669.000đ, tổng cộng là 96.369.000đ. (*Chín mươi sáu triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn đồng*). Ghi nhận sự tự nguyện của chị H cho bà Q trả số tiền trên trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày 26/01/2026.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Buộc bà Hà Thị Trúc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 9.616.050đ; buộc bà Trần Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 4.818.450đ. Chị Phạm Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho chị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.750.000đ (*Bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0002146 ngày 09/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (26/01/2026), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Thời hạn trên đối với đương sự vắng mặt được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 13-Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 13-Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đồng Ánh Đông